TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ NHA TRANG** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2018/HS-ST
Ngày 04 - 4 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Tú Vinh**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Tỉnh**

Bà **Nguyễn Thị Lý**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thúy Oanh -** Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Giỏi Mạnh Phi -** Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 79/2018/HSST ngày 05 tháng 3 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Trần H; sinh năm 1994; nơi cư trú: Thôn 2, xã E, thành phố B, tỉnh Đ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần N và bà Cao Thị L (chết năm 2004); có vợ là Lê Thị Thu Hvà có 02 con (con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2017); tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Không; Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 29/9/2017; có mặt.

2. Lê Thị Thu H1; sinh năm 1994; nơi cư trú: Thôn 2, xã E, thành phố B, tỉnh Đ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T và bà Lê Thị Th; có chồng là Trần H và có 02 con (con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2017); tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Không; Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; vắng mặt.

** Bị hại:* **Công ty tài chính TNHH A**

Địa chỉ: Tòa nhà A, số 20 đường B, phường C, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông **DM** – Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Hồng A**

Địa chỉ: Tòa nhà A, số 20 đường B, phường C, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh. (Văn bản ủy quyền số 631/2018/GUQ-SE, ngày 06/01/2018); có mặt.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. **Công ty cổ phần B**

Địa chỉ trụ sở: Số 123 đường Kh, phường N, quận 4, TP.HCM.
Đại diện theo pháp luật: Bà **Nguyễn Bạch Đ** – Tổng giám đốc; vắng mặt.

2. **Công ty cổ phần T.**
Địa chỉ: 123 đường T, phường Đ, quận 1, TP.HCM.
Đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Đức T** - Chủ tịch HĐQT; vắng mặt.

3. Ông **Bế Hồng H**
Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K, Đắk Lắk; vắng mặt.

4. Ông **Nguyễn Thái B**
Địa chỉ: Thôn Q, xã E, huyện K, Đắk Lắk; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Để có tiền tiêu xài, vợ chồng Trần H và Lê Thị Thu H1bàn bạc với nhau mua giấy chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe tại các tiệm cầm đồ, rồi dán hình của mình để mua điện thoại trả góp tại các cửa hàng viễn thông với hình thức thanh toán trước một phần giá trị điện thoại, sau đó ký kết hợp đồng tín dụng tiêu dùng trả góp với Công ty tài chính TNHH A nhằm chiếm đoạt tài sản. Cụ thể:

Ngày 28/11/2016, Trần H sử dụng giấy chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Thái B có dán hình của mình đến Cửa hàng FPT số 630-632 đường A, phường V, Nha Trang của Công ty cổ phần B mua trả góp điện thoại di động Samsung Galaxy A5 trị giá 7.990.000 đồng. Để làm tin, Trần H đã trả trước cho cửa hàng số tiền 2.397.000 đồng, sau đó H sử dụng giấy tờ trên ký hợp đồng vay tín dụng tiêu dùng trả góp số 3693069468 để vay số tiền 5.773.000 đồng với Công ty tài chính TNHH A. Sau khi có được điện thoại di động, H bán với giá 5.000.000đ và cùng H1 tiêu xài hết.

Ngày 04/8/2016, Lê Thị Thu H1sử dụng giấy chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe mang tên Bế Hồng H, có dán ảnh của mình đến Cửa hàng Thế giới di động số 105-105A Ngô Gia T, phường T, Nha Trang của Công ty cổ phần T, mua trả góp điện thoại di động Samsung Galaxy A7 trị giá 9.990.000 đồng, H1 trả trước 2.000.000 đồng, sau đó H1 sử dụng giấy tờ trên ký hợp đồng vay tín dụng tiêu dùng trả góp số 3677523729 để vay số tiền 8.368.000 đồng với Công ty tài chính TNHH A. Sau khi có được điện thoại di động, H1 bán với giá 5.000.000đ và cùng H tiêu xài hết.

Tổng số tiền mà Trần H và Lê Thị Thu H1đã chiếm đoạt là 14.141.000đ (Mười bốn triệu một trăm bốn mươi mốt ngàn đồng).

Cáo trạng số 280/CT-VKS ngày 22/11/2017, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang đã truy tố các bị cáo Trần H, Lê Thị Thu H1về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự.

Tranh luận tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng khoản 1 Điều 139; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự 1999; tuyên bố các bị cáo Trần H, Lê Thị Thu H1phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; xử phạt các bị cáo Trần H, Lê Thị Thu H1, mỗi bị cáo từ 09 tháng đến 01 năm tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo Trần H, Lê Thị Thu H1phải liên đới bồi thường cho Công ty tài chính TNHH A số tiền 14.141.000 đồng.

Tách ra để giải quyết bằng vụ án dân sự khi có đơn yêu cầu của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan sau đây: Công ty cổ phần B; Công ty cổ phần T; ông Nguyễn Thái B và ông Bế Hồng H.

Bị cáo Trần H đã khai nhận đã cùng Lê Thị Thu H1 bàn bạc với nhau mua giấy chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe tại các tiệm cầm đồ để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản tại các cửa hàng viễn thông đúng như nội dung truy tố của bản cáo trạng số 280/CT-VKS ngày 22/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang. Bị cáo không tranh luận, chỉ xin được giảm nhẹ hình phạt.

Người đại diện hợp pháp của bị hại yêu cầu các bị cáo Trần H, Lê Thị Thu H1 phải liên đới bồi thường số tiền mà các bị cáo đã chiếm đoạt của Công ty tài chính TNHH A là **14.141.000đ**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Quá trình tiến hành tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan điều tra Công an thành phố Nha Trang và Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang đúng trình tự, thủ tục và đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2]. Tố tụng tại phiên tòa: Bị cáo Lê Thị Thu H1 có đơn xin xét xử vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Đại diện của Công ty cổ phần B, đại diện của Công ty cổ phần T, ông Nguyễn Thái B và ông Bế Hồng H) đều vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy việc vắng mặt của bị cáo H1 và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án, căn cứ điểm c khoản 2 Điều 290, khoản 2 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3]. Về trách nhiệm hình sự:

Tại phiên tòa, bị cáo Trần H đã khai nhận cùng Lê Thị Thu H1 bàn bạc và thực hiện hai hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Công ty tài chính TNHH A với thủ đoạn dùng chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thái B (dán hình của H) để vay tín dụng tiêu dùng trả góp, mua điện thoại di động Samsung Galaxy A5 tại Cửa hàng FPT số 630-632 đường A, phường V, Nha Trang ngày 28/11/2016 và dùng chứng minh nhân dân mang tên Bế Hồng H (dán hình của H1) để mua điện thoại di động để vay

tín dụng tiêu dùng trả góp, mua điện thoại di dộng Samsung Galaxy A7 tại Cửa hàng Thế giới di động số 105-105A Ngô Gia T, phường T, Nha Trang ngày 04/8/2016.

Lời khai nhận của bị cáo H phù hợp với lời khai của người đại diện hợp pháp của bị hại tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của bị cáo H1 cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và phù hợp với nội dung truy tố của bản cáo trạng. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi, có đầy đủ sức khỏe nhưng không chịu lao động mà cố ý thực hiện hành vi lừa đảo nhằm chiếm đoạt tài sản, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của bị hại. Cả hai hành vi lừa đảo của các bị cáo được thực hiện vào năm 2016, tổng giá trị tài sản là 14.141.000 đồng. Vì vậy, có đủ căn cứ để xác định các bị cáo đã phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Xét tính chất, vai trò, mức độ hành vi phạm tội và các tình tiết tăng năng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo có quan hệ vợ chồng, cùng nhau bàn bạc, thống nhất thực hiện hai hành vi phạm tội. Bị cáo H là người trực tiếp đi mua giấy chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe tại các của hàng cầm đồ ở nhiều nơi khác nhau (bị cáo không nhớ cụ thể đã mua ở đâu), sau đó thay đổi hình ảnh trên các giấy tờ này rồi cùng bị cáo H1 thực hiện hành vi lừa đảo như đã nêu trên, nên xử phạt bị cáo H mức án cao hơn so với bị cáo H1 là phù hợp với vai trò, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo. Ngoài ra các bị cáo còn khai nhận cùng nhau thực hiện nhiều hành vi với thủ đoạn tương tự ở nhiều địa phương khác nhau nhằm chiếm đoạt tài sản, nhưng các hành vi này đã được phát hiện, xử lý thành từng vụ án riêng theo trình tự quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương; các bị cáo cùng nhau thực hiện hai hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản tại hai cửa hàng điện thoại di động nên thuộc trường hợp phạm tội nhiều lần theo quy định tại điểm g, khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự 1999. Vì vậy, cần xử xử phạt các bị cáo mức án thật nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng răn đe, cải tạo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo H đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo H1 vắng mặt tại phiên tòa, nhưng các lời khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đều thể hiện bị cáo H1 khai báo thành khẩn. Vì vậy, áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự 1999 cho các bị cáo. Bị cáo H1 hiện đang nuôi hai con nhỏ nên áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 46 cho bị cáo H1, giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo.

[4]. Về trách nhiệm dân sự:

Đại diện hợp pháp của bị hại yêu cầu các bị cáo phải liên đới bồi thường thiệt hại cho Công ty TNHH A số tiền 14.141.000 đồng. Đây là thiệt hại thực tế của bị hại; các bị cáo đều xác định chưa bồi thường. Vì vậy yêu cầu này là có cơ sở chấp

nhận. Buộc bị cáo Trần H và Lê Thị Thu H1 phải liên đới bồi thường số tiền 14.141.000 đồng cho Công ty TNHH A; mỗi bị cáo phải bồi thường ½ số tiền thiệt hại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Đại diện Công ty cổ phần B; đại diện của Công ty cổ phần T; ông Nguyễn Thái B và ông Bế Hồng H đều vắng mặt tại phiên tòa nên tách ra để giải quyết bằng vụ án dân sự khi có yêu cầu.

[5]. Về việc tổng hợp hình phạt:

Bản án số 04/2018/HS-ST, ngày 09/01/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa đã xử phạt: Trần H 01 năm tù, Lê Thị Thu H1 09 tháng tù; và đã tổng hợp với hình phạt của bản án số 91/2017/HS-ST ngày 12/5/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang. Buộc bị cáo Trần H phải chấp hành hình phạt chung là 02 năm tù; buộc bị cáo Lê Thị Thu H1 phải chấp hành hình phạt chung là 01 năm 06 tháng tù. Bản án số 04/2018/HS-ST, ngày 09/01/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa đã có hiệu lực pháp luật. Vì vậy cần tổng hợp hình phạt của nhiều bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 1999.

[6]. Về án phí: Các bị cáo Trần H, Lê Thị Thu H1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo **Trần H, Lê Thị Thu H1** phạm tội **"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"**.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 139; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 1999;

Xử phạt bị cáo **Trần H 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù**. Tổng hợp hình phạt 02 năm tù của bản án số 04/2018/HS-ST ngày 09/01/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, buộc bị cáo Trần H phải chấp hành hình phạt chung là **03 (ba) năm 03 tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 29/9/2017.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 139; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 1999;

Xử phạt bị cáo **Lê Thị Thu H1 01 (một) năm tù.** Tổng hợp hình phạt 01 năm 06 tháng tù của bản án số 04/2018/HS-ST ngày 09/01/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, buộc bị cáo Lê Thị Thu H1 phải chấp hành hình phạt chung là **02 (Hai) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

4. Trách nhiệm dân sự:

- Áp dụng các Điều 584, 585, 587 của Bộ luật dân sự 2015;

Buộc các bị cáo Trần H, Lê Thị Thu H1 phải liên đới bồi thường cho Công ty tài chính TNHH A số tiền **14.141.000đ** *(Mười bốn triệu một trăm bốn mươi mốt ngàn đồng)*. Trong đó bị cáo Trần H phải bồi thường **7.070.500 đồng** *(Bảy triệu không trăm bảy mươi ngàn năm trăm đồng)*; bị cáo Lê Thị Thu H1 phải bồi thường **7.070.500 đồng** *(Bảy triệu không trăm bảy mươi ngàn năm trăm đồng)*.

- Áp dụng Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự 2015;

Tách ra để giải quyết sau theo thủ tục tố tụng dân sự khi có đơn yêu cầu về trách nhiệm dân sự của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty cổ phần B, Công ty cổ phần T, ông Nguyễn Thái B và ông Bế Hồng H.

5. Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí tòa án;

Buộc các bị cáo Trần H và Lê Thị Thu H1, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ *(Hai trăm ngàn đồng)* tiền án phí hình sự sơ thẩm và 353.000đ *(Ba trăm năm mươi ba ngàn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. Bị cáo Trần H và bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị cáo Lê Thị Thu H1 và những người có quyền lợi, nghiã vụ liên quan vắng mặt tại phiền tòa, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Quy định chung: *Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không trả số tiền nêu trên thì bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự.*

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP. Nha Trang
- Công an TP. Nha Trang
- THADS TP. Nha Trang
- VKSND tỉnh Khánh Hòa
- Những người tham gia tố tụng
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Tú Vinh